Phụ lục III

TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ VÀ THUẾ TỈNH, THÀNH PHỐ

(từ ngày 26/10/2026 đến ngày 10/11/2026)

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến chung			
Thời gian ban hành Nghị quyết	Thuế Tuyên Quang	Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét điều chỉnh thời gian cơ quan chủ trì xem xét điều chỉnh thời gian trình và ban hành Nghị quyết sớm hơn, hoàn thành trong tháng 11 năm 2026 (thay vì mốc thời gian dự kiến trước ngày 15/12) Lý do: Theo chỉ đạo của Bộ tài chính và Cục Thuế về việc triển khai chiến dịch làm sạch mã số thuế, xử lý nợ đọng và hoàn thành các chỉ tiêu công tác năm, thời điểm chốt số liệu đánh giá là ngày 31/12/2026. Nếu Nghị quyết được ban hành và có hiệu lực vào giữa tháng 12/2026, khoảng thời gian thực tế triển khai tại cơ sở sẽ rất ngắn, gây áp lực lớn và không đủ thời gian để cơ quan thuế các cấp quán triệt, rà soát, tổ chức thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu được giao trước thời điểm kết thúc năm tài chính. Do đó, việc đẩy nhanh tiến độ ban hành trong tháng 11/2026 là rất cần thiết nhằm tạo hành lang pháp lý kịp thời cho các địa phương triển khai thực hiện.	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Ngày 26/10/2026, Bộ Tài chính có công văn số 17142/BTC-CT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ để tháo gỡ khó khăn cho NNT nhằm thực hiện cam kết quốc tế, đáp ứng yêu cầu cấp bách về trao đổi thông tin theo yêu cầu. Trong đó, đối với dự thảo Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Tài chính trình Chính phủ lấy ngày 21/11/2026 (ngày kết thúc kỳ họp) để làm mốc Nghị quyết có hiệu lực thi hành

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến Dự thảo Tờ trình Chính phủ			
Làm rõ nguyên tắc xử lý của Luật xử lý vi phạm hành vi đối đối với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ	Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí	Nên bổ sung thêm nguyên tắc xử lý của Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nay vẫn cần giảm mức phạt tiền vi phạm hành chính thì có mâu thuẫn không?	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính là nguyên tắc chung để xem xét mức độ, tính chất của từng hành vi vi phạm khi quyết định xử phạt. Dự thảo Nghị quyết quy định mức phạt tiền đặc thù đối với một nhóm người nộp thuế, trong thời gian nhất định, nhằm tháo gỡ vướng mắc đối với các hồ sơ khai thuế tồn đọng và khuyến khích người nộp thuế chủ động khắc phục vi phạm; không thay thế hoặc loại trừ việc áp dụng các nguyên tắc chung của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, việc quy định mức phạt bằng 30%, 50% và 70% hoặc mức đặc thù đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không mâu thuẫn với quy định về trình tiết tăng nặng và giảm nhẹ. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo thấy rằng không cần thiết bổ sung lại nguyên tắc này trong Nghị quyết. Mặt khác, việc quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong xử lý vi phạm hành chính là nhằm xem xét mức độ, tính chất của từng hành vi vi phạm khi xem xét để xử lý vi phạm. Dự thảo Nghị quyết đang quy định mức giảm tiền phạt nhằm mục tiêu giảm bớt gánh nặng về nghĩa vụ tài chính khi bị xử phạt do có người nộp thuế đã bỏ kinh doanh từ lâu, không phát sinh nghĩa vụ thuế giờ bị xử phạt theo quy định thì sẽ tạo gánh nặng và không tạo được động lực cho người nộp thuế quay lại để giải quyết việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Ngoài ra, các quy định về nguyên tắc xử phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính vẫn có giá trị pháp lý, quy định tại dự thảo Nghị quyết chỉ là về mức tiền xử phạt sau khi xem xét tất cả các nghĩa vụ phạt của người nộp thuế để tạo điều kiện hỗ trợ người nộp thuế và không thay thế cho các nguyên tắc xử phạt nêu tại Luật xử lý vi phạm hành chính. Theo Cục Thuế thì nội dung quy định tại dự thảo Nghị định không mâu thuẫn với các quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính về nguyên tắc xử phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Do đó, theo đơn vị chủ trì soạn thảo thì không cần thiết phải quy định bổ sung nguyên tắc nêu trên tại dự thảo Nghị quyết.
Cơ sở xác định ra mức giảm 30%, 50% và 70%	Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí	Cơ sở nào để xác định ra mức giảm 30%, 50% và 70%? (vì vừa qua khi trình Quốc hội Nghị quyết số 43/2026/QH16 về giảm 30% thuế TNCN, thuế TNDN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp, các cơ quan thẩm định, thẩm tra, UBTVQH, Đại biểu Quốc hội có ý kiến đề nghị làm rõ cơ sở về nội dung này).	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Việc đề xuất các mức phạt bằng 30%, 50% và 70% mức phạt theo quy định hiện hành, tương ứng mức giảm 70%, 50% và 30%, được thiết kế theo nguyên tắc khắc phục càng sớm, mức hỗ trợ càng cao, nhằm tháo gỡ khó khăn tài chính và khuyến khích người nộp thuế chủ động hoàn thiện hồ sơ, thực hiện thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Về cơ sở lựa chọn các tỷ lệ cụ thể, mức phạt bằng 50% được đề xuất làm mức trung gian nhằm chia sẻ khó khăn nhưng vẫn duy trì trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế. Mức phạt trong giai đoạn đầu được xác định thấp hơn mức trung gian 20 điểm phần trăm, bằng 30%, để tạo động lực khắc phục sớm; mức phạt trong giai đoạn cuối cao hơn mức trung gian 20 điểm phần trăm, bằng 70%, để giảm dần hỗ trợ. Khoảng cách đều 20

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			điểm phần trăm tạo sự khác biệt rõ về nghĩa vụ tài chính giữa các giai đoạn, đồng thời thuận tiện trong tổ chức thực hiện. Đây là các tỷ lệ đề xuất trên cơ sở cân nhắc chính sách, không phải tỷ lệ được suy ra trực tiếp từ số lượng tờ khai tồn đọng. Với khoảng 1,6 triệu tờ khai dự kiến được nộp bổ sung, nếu toàn bộ số tờ khai này được thực hiện trong giai đoạn đầu thì số tiền phạt dự kiến được giảm khoảng 12.700 tỷ đồng; trong giai đoạn thứ hai khoảng 9.100 tỷ đồng; trong giai đoạn cuối khoảng 5.600 tỷ đồng. Tương ứng, số tiền phạt được giảm bình quân khoảng 7,9 triệu đồng, 5,7 triệu đồng và 3,5 triệu đồng trên một tờ khai. Đây là số bình quân phục vụ đánh giá tác động, không phải mức giảm áp dụng cho từng tờ khai. Đối với người nộp thuế có nhiều hồ sơ tồn đọng, chênh lệch tổng số tiền phạt giữa các thời điểm thực hiện có thể lớn, tạo động lực tài chính đáng kể để sớm khắc phục vi phạm, nhất là khi đã ngừng kinh doanh và hạn chế nguồn tiền. So với phương án áp dụng một mức phạt thống nhất, phương án ba mức vừa dành mức hỗ trợ cao cho người nộp thuế thực hiện sớm, vừa tiếp tục hỗ trợ người nộp thuế cần thêm thời gian tập hợp tài liệu, đối chiếu dữ liệu và hoàn thiện hồ sơ. Nếu áp dụng thống nhất mức phạt bằng 30%, chính sách không tạo thêm lợi ích cho việc khắc phục sớm; nếu áp dụng thống nhất mức 70%, khả năng tháo gỡ rào cản tài chính bị hạn chế; nếu áp dụng thống nhất mức 50%, chưa tạo được sự khác biệt về mức hỗ trợ theo thời điểm thực hiện. Vì vậy, phương án ba mức được đề xuất nhằm kết hợp yêu cầu hỗ trợ với thúc đẩy xử lý sớm hồ sơ tồn đọng, hạn chế dồn hồ sơ vào cuối thời hạn.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Mục IV của dự thảo Tờ trình	Cục DNTN - BTC	Tại Mục VI các dự thảo Tờ trình, đề nghị tiếp tục làm rõ nguồn tài chính và tác động đến ngân sách nhà nước; phân biệt số nghĩa vụ đã hạch toán, nghĩa vụ ước tính chưa hạch toán với số có khả năng thu thực tế. Việc lượng hóa cần nêu rõ giả định, phương pháp và so sánh phương án ban hành chính sách với phương án không ban hành trên cơ sở khả năng thu hồi, chi phí quản lý và số thu có thể phát sinh từ việc người nộp thuế quay lại hoàn thành nghĩa vụ. Đề nghị xác định đầu mối xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách phù hợp với từng nhóm người nộp thuế, trong đó làm rõ đối tượng, điều kiện, thời hạn hưởng chính sách và thủ tục thực hiện; bảo đảm người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hướng dẫn thống nhất, thuận lợi trong quá trình thực hiện.	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: - Về nguồn tài chính và tác động đến ngân sách nhà nước: Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung tại Mục VI Tờ trình và Phụ lục đánh giá tác động, phân biệt rõ: nghĩa vụ đã được hạch toán; nghĩa vụ ước tính chưa được hạch toán; số có khả năng thu thực tế; chi phí tuân thủ của người nộp thuế và chi phí tổ chức thực hiện của cơ quan nhà nước. Số nghĩa vụ dự kiến được xử lý không đồng nhất với số giảm thu ngân sách thực tế; chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm không phải là khoản thu ngân sách. Việc lượng hóa được thực hiện trên cơ sở số lượng người nộp thuế ở trạng thái 03, 06, thời gian tồn đọng, loại hồ sơ phải nộp theo quy định áp dụng trong từng thời kỳ và tỷ lệ người nộp thuế dự kiến tham gia chính sách. Trong đó: - Đối với doanh nghiệp, tổ chức, giả định hồ sơ gồm tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quý và hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo năm đối với trường hợp thuộc diện phải nộp. - Đối với hộ, cá nhân kinh doanh, ước tính số áp dụng phương pháp kê khai bằng 5% tổng số hộ, cá nhân kinh doanh ở trạng thái 03, 06, trên cơ sở tỷ lệ trước khi chấm dứt phương pháp khoán. Hồ sơ khai thuế kinh doanh và hồ sơ khai thuế cho thuê tài sản được tính theo từng nhóm có nghĩa vụ tương ứng, không mặc nhiên tính đồng thời cho mọi hộ, cá nhân. - Số hồ sơ còn thiếu được xác định sau khi loại trừ hồ sơ đã nộp, các kỳ không thuộc diện phải khai và các trường hợp không bị xử phạt theo quy định.

<table>
<tr><th>VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN</th><th>CHỦ THỂ GÓP Ý</th><th>NỘI DUNG GÓP Ý</th><th>NỘI DUNG
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>Theo các kịch bản giả định toàn bộ số hồ sơ thuộc phạm vi tính toán được nộp trong từng giai đoạn, số tiền phạt sau khi áp dụng mức đặc thù ước tính như sau:

<table>
<tr><th>Thời điểm nộp hồ sơ còn thiếu</th><th>Mức phạt so với mức thông thường</th><th>Số tiền phạt ước tính</th></tr>
<tr><td>Từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2027</td><td>30%</td><td>5.400 tỷ đồng</td></tr>
<tr><td>Từ ngày 01/7/2027 đến hết ngày 31/12/2027</td><td>50%</td><td>9.000 tỷ đồng</td></tr>
<tr><td>Từ ngày 01/01/2028 đến hết ngày 30/6/2028</td><td>70%</td><td>12.500 tỷ đồng</td></tr>
</table>

Đây là số dự tính, chưa phải số thu thực tế phụ thuộc số người nộp thuế tham gia, hồ sơ vi phạm, thời hiệu xử phạt, mức phạt được xác định và khả năng chấp hành quyết định xử phạt.

- Về tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện:

Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính chỉ đạo Cục Thuế làm đầu mối xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phối hợp với cơ quan hải quan, cơ quan đăng ký kinh doanh, chính quyền</td></tr>
</table>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			địa phương và các tổ chức đại diện người nộp thuế. Nội dung hướng dẫn phải làm rõ đối tượng, điều kiện, thời hạn, quyền lợi và nghĩa vụ; phân biệt trường hợp cơ quan quản lý chủ động xử lý trên dữ liệu với trường hợp người nộp thuế phải thực hiện thủ tục. Hình thức tuyên truyền được lựa chọn phù hợp từng nhóm, kết hợp phương thức điện tử và hỗ trợ trực tiếp, bảo đảm người nộp thuế không còn khả năng sử dụng tài khoản thuế điện tử vẫn tiếp cận được chính sách.
Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ			
Tên gọi của Nghị quyết	Cục DNTN - Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung cụm từ "vì mục đích thuế" sau cụm từ "trao đổi thông tin theo yêu cầu" trong tên gọi các Nghị quyết để xác định rõ phạm vi, mục tiêu của 3 chính sách và thống nhất với nội dung các hồ sơ.	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Phạm vi Nghị quyết không chỉ liên quan đến quản lý thuế mà còn bao gồm đăng ký kinh doanh, trạng thái pháp lý của tổ chức, cá nhân và cơ chế phối hợp liên ngành; việc bổ sung cụm 'vì mục đích thuế' có thể làm hẹp cách hiểu về phạm vi, mục tiêu của Nghị quyết.
Điểm a khoản 2 Điều 1	Vụ Chính sách thuế, phí và lệ phí	Về đối tượng áp dụng của Nghị quyết của Chính phủ: - Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định đối tượng áp dụng là: người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế và người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Đối tượng áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tính đến ngày 21/11/2026. Khoản 2 Điều 3 quy định chính sách đối với nhóm hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuộc phạm vi đối tượng nêu trên, do đó không mở rộng đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định chính sách đặc thù như sau: không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. - Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định: Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã bị ấn định thuế theo quy định tại Điều 51 Luật Quản lý thuế. Như vậy, đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết có thể chưa thống nhất với đối tượng áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết của Chính phủ.	Trong thực tế, có các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trước đây nộp thuế theo phương pháp khoán, đã ngừng hoạt động từ lâu nhưng còn tồn đọng hồ sơ, thủ tục thuế. Việc quy định rõ chính sách không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với nhóm này nhằm thống nhất xử lý, tránh cách hiểu khác nhau do thời điểm bắt đầu kinh doanh hoặc ngừng hoạt động khác nhau, góp phần tháo gỡ vướng mắc trong quá trình khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Để bảo đảm thống nhất giữa đối tượng áp dụng chung và đối tượng được áp dụng chính sách cụ thể, Cục Thuế tiếp thu ý kiến của Vụ Chính sách thuế và chỉnh lý khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau: *"2. Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này."* Chính sách này chỉ quy định việc không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế, không miễn nghĩa vụ nộp thuế và không mở rộng sang hành vi vi phạm về hóa đơn. Đồng thời, khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã loại trừ hành vi trốn thuế, gian lận thuế và người nộp thuế đang được kiểm tra thuế, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử về hành vi trốn thuế, gian lận thuế, nhằm kiểm soát việc lợi dụng chính sách.
Điểm b khoản 2 Điều1	Cục Hải quan	Điểm b khoản 2 Điều 1 quy định *"cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế"*; các Điều khác quy định *"cơ quan thuế"*; đề nghị rà soát lại, sửa, bổ sung cho thống nhất.	Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến của Cục Hải quan, Cục Thuế đã bổ sung sửa cụm từ "cơ quan thuế" thành " cơ quan quản lý thuế" tại các Điều có liên quan đến cơ quan hải quan của dự thảo Nghị quyết.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 1, khoản 3 Điều 2	Thuế tỉnh Hưng Yên	Về khoảng thời gian trống hồ sơ khai thuế trước khi chuyển trạng thái 06 Tại khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định: *"...1. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian từ ngày có thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến thời điểm nộp hồ sơ khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ hồ sơ quyết toán thuế đến thời điểm nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế".* Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 2 Dự thảo này cũng quy định: *"...3. Người nộp thuế phải nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu thuộc các kỳ trước thời điểm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, hồ sơ quyết toán theo quy định và hồ sơ của kỳ có phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian quy định tại khoản 1, 2 Điều này"* Căn cứ thực tiễn tại quản lý thuế, luôn có một khoảng thời gian trống kể từ khi NNT thực tế bỏ địa điểm kinh doanh, ngừng hoạt động cho đến khi cơ quan thuế rà soát và chính thức ban hành Thông báo trạng thái 06. Như vậy, đối với những kỳ tính thuế nằm trong khoảng thời gian	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Theo quy định của pháp luật quản lý thuế, việc CQT thông báo NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký được thực hiện trên cơ sở CQT phối hợp với chính quyền địa phương xác minh tình trạng hoạt động của NNT tại địa chỉ đã đăng ký. Một trong các lý do CQT phải thực hiện xác minh tình trạng hoạt động của NNT là do NNT không nộp hồ sơ khai thuế dù đã được cơ quan thuế gửi thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế hoặc thông báo do CQT gửi qua đường bưu chính bị trả lại vì không có người nhận hoặc địa chỉ không tồn tại. Theo đó, CQT chỉ có dữ liệu kê khai của NNT đến thời điểm NNT còn nộp HSKT cho CQT. Như vậy, việc xác định thời điểm thực tế NNT đã ngừng hoạt động trên cơ sở cam kết của NNT và dữ liệu hiện có của CQT là không khả thi và khó triển khai. Quy định này cũng làm gia tăng sự bất bình đẳng giữa NNT tuân thủ và NNT không tuân thủ trong việc thực hiện thủ tục khai thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trống này (dù NNT thực tế không hoạt động và không phát sinh nghĩa vụ), NNT vẫn bắt buộc phải nộp lại toàn bộ tờ khai. Điều này vô hình trung vẫn tạo ra thủ tục hành chính phải nộp cần phải được xử lý. Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung hướng dẫn xử lý đối với khoảng thời gian này.	
Khoản 3 Điều 2	Thuế thành phố Hà Nội	Đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ: *"3. Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này phải nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu đối với kỳ tính thuế trước thời điểm ~~quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này~~ cơ quan thuế xác định người nộp thuế ở trạng thái 03, 06 và hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thuế sau thời điểm ~~quy định tại khoản 1 Điều này~~ cơ quan thuế xác định người nộp thuế ở trạng thái 06"* Lý do: Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ quy định về trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế, không phải quy định về thời điểm.	Cơ quan chủ trì soạn thảo cơ bản tiếp thu ý kiến về việc làm rõ trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế và căn cứ xác định khoảng thời gian không phải nộp hồ sơ khai thuế. Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết vừa quy định trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế, vừa xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc khoảng thời gian áp dụng. Vì vậy, khoản 3 được chỉnh lý theo hướng dẫn chiếu cụ thể đến "thời điểm bắt đầu khoảng thời gian" và "trong khoảng thời gian" quy định tại hai khoản này, bảo đảm rõ ràng, thống nhất khi thực hiện. Không thay các dẫn chiếu này bằng thời điểm cơ quan thuế xác định người nộp thuế ở trạng thái 03, 06, vì căn cứ bắt đầu khoảng thời gian tại khoản 2 là ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép hoặc văn bản tương đương, không mặc nhiên trùng với ngày chuyển trạng thái trên hệ thống quản lý thuế. Đồng thời, trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ có phát sinh nghĩa vụ thuế phải áp dụng trong cả khoảng thời gian quy định tại khoản 1 và khoản 2, không chỉ đối với trường hợp tại khoản 1. Theo đó, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết được hoàn thiện như sau:

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			"1. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian kể từ ngày người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đến ngày người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Việc xác định thời điểm người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thực hiện theo thông báo của cơ quan thuế hoặc theo dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý thuế. *2. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian kể từ ngày người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương đến ngày người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc đến ngày người nộp thuế được khôi phục tình trạng pháp lý theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.* *3. Người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế."*
Điều 2	Thuế TP Hải phòng	Tại Điều 2. Chính sách đặc thù về hồ sơ khai thuế: Đề nghị làm rõ cách xác định người nộp thuế "không phát sinh nghĩa vụ thuế" nhất là trường hợp còn hồ sơ khai thuế chưa nộp, số liệu chưa đối chiếu hoặc còn nghĩa vụ kê khai nhưng không phát sinh số thuế phải nộp; quy định cụ	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: - Về xác định người nộp thuế "không phát sinh nghĩa vụ thuế": Việc xác định kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế được thực hiện trên cơ sở cam kết của người nộp thuế theo khoản 5 Điều 2, kết hợp đối chiếu dữ liệu quản lý thuế, thông tin về hóa đơn và các thông tin, tài liệu có liên quan. Nội dung

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thể thời điểm chốt dữ liệu và cách xử lý hồ sơ phát sinh sau thời điểm áp dụng.	cam kết phải xác định cụ thể thời gian không hoạt động và các kỳ không phát sinh nghĩa vụ thuế; người nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam kết. Việc còn hồ sơ khai thuế chưa nộp hoặc hệ thống chưa ghi nhận số thuế phải nộp không đủ để kết luận kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế. Trường hợp số liệu chưa được đối chiếu hoặc có thông tin chưa thống nhất, cơ quan thuế thực hiện đối chiếu, xác minh, yêu cầu người nộp thuế giải trình, cung cấp thông tin cần thiết để xác định điều kiện áp dụng. Trường hợp có phát sinh hoạt động, giao dịch thuộc diện phải kê khai thì không chỉ căn cứ số thuế phải nộp bằng không để xác định được miễn nộp hồ sơ khai thuế theo Nghị quyết. Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã quy định người nộp thuế phải nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế còn thiếu đối với các kỳ trước thời điểm bắt đầu khoảng thời gian được áp dụng chính sách, trừ trường hợp pháp luật quy định không phải nộp; đồng thời phải nộp hồ sơ khai thuế đối với các kỳ có phát sinh nghĩa vụ thuế trong khoảng thời gian đó. - Về thời điểm đối chiếu dữ liệu và xử lý hồ sơ, thông tin phát sinh sau đó: Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã xác định thời điểm bắt đầu, kết thúc khoảng thời gian được xem xét không phải nộp hồ sơ khai thuế theo từng trường hợp. Khi giải quyết hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cơ quan thuế sử dụng dữ liệu hiện có và thông tin được bổ sung trong quá trình giải quyết để kiểm tra điều kiện áp dụng; không coi ngày nộp hồ sơ là thời điểm khóa dữ liệu, loại trừ việc cập nhật, xác minh thông tin về các kỳ trước đó.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đối với hồ sơ, thông tin được bổ sung sau thời điểm người nộp thuế đề nghị áp dụng chính sách nhưng trước khi hoàn tất giải quyết, cơ quan thuế tiếp tục đối chiếu, xác định nghĩa vụ và điều kiện áp dụng. Trường hợp sau khi đã áp dụng chính sách mới phát hiện người nộp thuế thực tế không đáp ứng điều kiện, thực hiện theo khoản 5 Điều 6 dự thảo Nghị quyết: xác định lại nghĩa vụ thuế, tiền chậm nộp, xử lý vi phạm và khôi phục trạng thái mã số thuế về trạng thái trước khi chấm dứt hiệu lực, nếu có. Đối với các kỳ tính thuế ngoài khoảng thời gian được áp dụng chính sách, nghĩa vụ khai thuế được thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Vì vậy, đề nghị giữ cách xác định khoảng thời gian tại Điều 2 và cơ chế xử lý tại khoản 5 Điều 6, không bổ sung một thời điểm chốt dữ liệu cố định làm hạn chế việc cập nhật thông tin và xác định đúng nghĩa vụ thuế.
Khoản 5 Điều 2	Văn phòng Bộ	Dự thảo chưa làm rõ "thể hiện" là như thế nào, trường hợp cơ quan thuế yêu cầu người dân lập thêm một văn bản cam kết riêng sẽ làm phát sinh thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị Cục Thuế nghiên cứu, bổ sung quy định nội dung cam kết được NNT điền trực tiếp vào mục Ghi chú hoặc một trường thông tin bổ sung trên văn bản đề nghị khôi phục/chấm dứt hiệu lực MST hiện hành, không yêu cầu NNT lập văn bản cam kết riêng.	Cơ quan soạn thảo tiếp thu: Để đảm bảo không tăng TTHC cho NNT, dự thảo Nghị quyết không bổ sung mẫu cam kết mà quy định nội dung cam kết của NNT được thể hiện ngay trong văn bản đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của NNT. Đồng thời, tiếp thu hoàn thiện dự thảo để quy định rõ hơn việc cam kết đối với trường hợp NNT đã gửi hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày Nghị quyết có hiệu lực. Hoàn thiện khoản 5 Điều 2 như sau: *"5. Người nộp thuế cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không phát sinh nghĩa vụ thuế trong thời gian quy định tại*
Khoản 5 Điều 2	Thuế tỉnh Lâm Đồng	Tại khoản 5 Điều 2 (về nội dung cam kết của NNT): Bổ sung biểu mẫu cam kết điện tử (tích	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hợp trực tiếp trên cổng dịch vụ công) khi NNT nộp hồ sơ khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực MST nhằm đơn giản thủ tục hành chính.	*khoản 1 và khoản 2, không sử dụng hóa đơn trong thời gian quy định tại khoản 4 Điều này. Nội dung cam kết phải xác định cụ thể các kỳ không phát sinh nghĩa vụ thuế, không sử dụng hóa đơn và được thể hiện trong văn bản đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.* *Đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày 21 tháng 11 năm 2026 mà chưa được giải quyết, nội dung cam kết được bổ sung vào văn bản đề nghị đã nộp hoặc ghi nhận tại biên bản làm việc với cơ quan thuế có xác nhận của người nộp thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ; cơ quan thuế không yêu cầu nộp lại hồ sơ hoặc lập văn bản cam kết riêng."*
Khoản 3, khoản 4 Điều 4	Thuế tỉnh Nghệ An	*Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện* *3. Người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hoặc khôi phục mã số thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà cơ quan thuế chưa ban hành thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc thông báo về việc khôi phục mã số thuế hoặc thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể/chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh thì được áp dụng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.".* *4. Hồ sơ khai thuế của người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này đã được cơ quan thuế tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành hoặc trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực và đang trong quá trình giải quyết mà chưa ban hành Quyết định*	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Chính sách không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế và chính sách giảm mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế trạng thái 03, 06 được quy định tại dự thảo Nghị quyết nhằm tạo điều kiện để người nộp thuế thuộc đối tượng và đáp ứng điều kiện theo Nghị quyết chủ động thực hiện thủ tục khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế và cơ quan thuế đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người nộp thuế đã hoàn thành nộp hồ sơ khai thuế còn thiếu, không còn hồ sơ khai thuế chưa nộp để xem xét áp dụng chính sách đặc thù của Nghị quyết. - Cơ quan soạn thảo chỉnh lý và hoàn thiện khoản 1, khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết (trước đây là khoản 2, khoản 4

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xử phạt vi phạm hành chính thì được áp dụng mức phạt tiền quy định tại Điều 3 Nghị quyết này....” -Lý do: Việc sửa đổi nội dung nêu trên nhằm bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng chính sách tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế và phù hợp với mục tiêu ban hành Nghị quyết.	Điều 4 dự thảo NQ lấy ý kiến) để đảm bảo quy định rõ ràng, cụ thể như sau: *“1. Người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này đã nộp hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế trước ngày 21 tháng 11 năm 2026 mà cơ quan thuế đang giải quyết thì được áp dụng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, trừ trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế, thông báo, báo cáo về hóa đơn và cơ quan thuế đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.* *2. Người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này đã nộp hồ sơ khai thuế, thông báo, báo cáo về hóa đơn trước ngày 21 tháng 11 năm 2026 mà cơ quan thuế chưa ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì được áp dụng mức phạt tiền quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.* *Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này đã nộp hồ sơ khai thuế, thông báo, báo cáo về hóa đơn trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực nhưng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2028, cơ quan thuế chưa ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tiếp tục được áp dụng mức phạt tiền quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.”*
Khoản 5 Điều 4	Thuế tỉnh Ninh Bình	Tại khoản 5 Điều 4: - Khổ 1: Thay từ “xem xét chấm dứt” bằng “giải quyết chấm dứt” - Khổ thứ 2 và 3: Quy định rõ Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế cấp nào, Cục Thuế hay Thuế cấp tỉnh (nên ghi: Trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc Thuế cấp tỉnh)	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: i) Đối với kiến nghị thay cụm từ “xem xét chấm dứt” bằng “giải quyết chấm dứt” Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý theo hướng quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với người nộp thuế đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết (trước đây

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Khổ thứ 3: quy định rõ "cơ quan có thẩm quyền" là cơ quan nào?	là khoản 5 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến). Do đó, không cần thiết tiếp tục chỉnh lý nội dung này. ii) Đối với kiến nghị xác định cụ thể trang thông tin điện tử thực hiện công khai Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết (trước đây là khoản 5 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến) đã dẫn chiếu hình thức công khai thông tin theo điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, bảo đảm thống nhất với quy định hiện hành và phù hợp với tổ chức, hoạt động của cơ quan thuế. Vì vậy, không cần thiết liệt kê riêng trang thông tin điện tử của Cục Thuế hoặc Thuế cấp tỉnh tại Nghị quyết. Đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị quyết.
Khoản 5 Điều 4	Thuế tỉnh Lâm Đồng	Tại khoản 5 Điều 4: Đề nghị quy định rõ thời hạn công khai và thời hạn chuyển thông tin đối với: Sau khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và chuyển thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật hợp tác xã và pháp luật có liên quan.	
Khoản 5 Điều 4	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	- Tại khoản 5, Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện *"5. Người nộp thuế đã ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc đã được cơ quan thuế xác định không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ đủ 10 năm trở lên tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực, không có nợ thuế không thuộc trường hợp đang được thanh tra điều tra truy tố xét xử thì được xem xét chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản này"* Đề xuất bổ sung: *"5. Người nộp thuế đã ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc đã được cơ quan thuế*	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết (trước đây là khoản 5 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến) đã có quy định nhằm tháo gỡ tồn đọng đối với người nộp thuế đã ngừng hoạt động từ đủ 10 năm trở lên, không có nợ thuế và không thuộc trường hợp đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử. Đây là nhóm người nộp thuế đã ngừng hoạt động trong thời gian dài, nhiều trường hợp không còn lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu về hóa đơn để thực hiện các thủ tục theo quy định. Việc bổ sung điều kiện phải xử lý toàn bộ hóa đơn hoặc chưa đăng ký sử dụng hóa đơn sẽ làm thu hẹp đáng kể đối tượng được áp dụng chính sách, phát sinh thêm thủ tục và chưa phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết là tháo gỡ khó khăn, giải quyết dứt điểm các mã số thuế tồn đọng kéo dài. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã đề xuất cơ chế đặc thù

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xác định không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký từ đủ 10 năm trở lên tính đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực, không có nợ thuế, người nộp thuế đã xử lý toàn bộ hóa đơn theo quy định hoặc chưa đăng ký sử dụng hóa đơn, không thuộc trường hợp đang được thanh tra, điều tra, truy tố xét xử thì được xem xét chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại khoản này."	về miễn lập, gửi thông báo, báo cáo hóa đơn đối với giai đoạn trước khi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.
Khoản 5 Điều 4	Cục DNTN - BTC	Tại khoản 5 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị quy định cụ thể căn cứ, trình tự và trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc xử lý thông tin người nộp thuế đã bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do cơ quan thuế chuyển đến. Cần xác định rõ nội dung thông tin, phương thức, thời hạn chuyển, tiếp nhận và phản hồi kết quả xử lý; đồng thời quy định việc giải quyết ý kiến phản đối phát sinh trong thời gian công khai thông tin trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Đề nghị bổ sung cơ chế đối soát, xử lý trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã có tình trạng pháp lý đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động trên hệ thống đăng ký kinh doanh tương ứng nhưng mã số thuế vẫn ở trạng thái 03, 06; xác định rõ đầu mối xác minh, căn cứ cập nhật và trách nhiệm phản hồi kết quả để bảo đảm thống nhất dữ liệu.	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình như sau: - Về trình tự, trách nhiệm tiếp nhận, trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh: Pháp luật về quản lý thuế và đăng ký kinh doanh đã có quy định về cơ chế liên thông, chia sẻ dữ liệu và xử lý hồ sơ giải thể. Việc tổ chức thực hiện, trao đổi, đối soát và phản hồi thông tin thuộc phạm vi phối hợp nghiệp vụ giữa các cơ quan trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính. Do đó, đề nghị không quy định lại toàn bộ trình tự, thủ tục, thời hạn xử lý tại Nghị quyết này; các nội dung kỹ thuật về phương thức truyền nhận, tiếp nhận và phản hồi thông tin được thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn phối hợp giữa các cơ quan. - Về việc giải quyết ý kiến phản đối trong thời gian công khai: Quy định tại khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết được thiết kế tương đồng với nguyên tắc xử lý tại Điều 64 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký giải thể doanh nghiệp. Theo đó, sau thời hạn công khai, nếu không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định. Trường hợp có ý kiến phản đối, cơ quan thuế có trách nhiệm

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			rà soát, xác minh, xử lý theo thẩm quyền trước khi thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Do đó, không cần quy định thêm trình tự giải quyết riêng tại Nghị quyết. - Về cơ chế đối soát trường hợp người nộp thuế đã có tình trạng pháp lý "Đã giải thể", "Đã chấm dứt hoạt động" nhưng mã số thuế vẫn ở trạng thái 03, 06: Điều 17 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã quy định trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế. Theo đó, việc cơ quan đăng ký kinh doanh đã ghi nhận tình trạng pháp lý "Đã giải thể", "Đã chấm dứt hoạt động" nhưng người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế thì Cơ quan thuế tiếp tục rà soát, xác định nghĩa vụ thuế và xử lý trạng thái mã số thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế; việc đối soát, đồng bộ dữ liệu được thực hiện theo cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin hiện hành, không cần quy định riêng tại Nghị quyết này.
Khoản 6 Điều 4	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị quy định rõ thời hạn tối đa mà cơ quan Công an phải có ý kiến phản hồi chính thức cho cơ quan thuế (ví dụ trong vòng 30 - 60 ngày). Lý do: Tránh trường hợp để dây dưa, kéo dài thời gian xử lý nghĩa vụ thuế, bảo vệ quyền lợi của người bị đánh cắp/giả mạo thông tin.	Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo như sau: Cần phân biệt việc thông báo đã tiếp nhận, đang giải quyết vụ việc với việc thông báo kết quả giải quyết. Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết đã quy định trách nhiệm của cơ quan công an gửi văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế có liên quan ở cả hai giai đoạn này. Đối với việc xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, trình tự, thời hạn và việc gia hạn trong trường hợp cần thiết được thực hiện theo pháp luật về tố tụng hình sự và các quy định có liên quan. Việc quy định một thời hạn chung từ 30 đến 60 ngày để có kết quả giải quyết đối với mọi vụ việc

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			có thể không phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp và thời hạn xử lý theo pháp luật chuyên ngành. Để bảo vệ kịp thời cá nhân bị giả mạo hoặc sử dụng trái phép thông tin, khoản 1 Điều 5 đã quy định cơ quan quản lý thuế tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh khi nhận được văn bản của cơ quan công an xác nhận đã tiếp nhận và đang giải quyết vụ việc; trường hợp đã áp dụng thì thực hiện hủy bỏ theo quy định, không phải chờ kết quả giải quyết cuối cùng. Đồng thời, khoản 4 Điều 6 bảo đảm cá nhân tiếp tục được áp dụng cơ chế này nếu đến hết ngày 30/6/2028 cơ quan quản lý thuế chưa nhận được thông báo kết quả giải quyết của cơ quan công an. Vì vậy, đề nghị không bổ sung thời hạn giải quyết riêng tại Nghị quyết. Trong tổ chức thực hiện, các cơ quan cần phối hợp, trao đổi thông tin kịp thời theo trách nhiệm tại Điều 5, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và xử lý nghĩa vụ thuế trên cơ sở kết quả xác minh của cơ quan có thẩm quyền.
Khoản 6 Điều 4	Thuế thành phố Hà Nội	- Đề xuất sửa đổi khoản 6 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ: *"6. Trường hợp cá nhân bị sử dụng thông tin để đăng ký, thành lập cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dẫn đến được xác định là cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không hoạt động tại địa chỉ*	Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết như sau: i) Về chính sách đặc thù đối với cá nhân bị giả mạo hoặc sử dụng trái phép thông tin cá nhân Tiếp thu ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo tách nội dung tại khoản 6 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến thành Điều 5; đồng thời hoàn thiện cơ chế bảo vệ cá nhân trong cả trường hợp chưa bị áp dụng và đã bị áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đã đăng ký, nếu cá nhân đã có văn bản đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp đăng ký hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã liên thông) hoặc cơ quan thuế (đối với trường hợp cá nhân kinh doanh đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế) và cơ quan công an xử lý việc bị giả mạo thông tin; cơ quan công an đã có ý kiến bằng văn bản về việc tiếp nhận phản ánh, đang trong quá trình giải quyết gửi cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thì cơ quan thuế tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân đó hoặc dừng thực hiện biện pháp tạm hoãn xuất cảnh nếu cá nhân đó đã bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ và dừng biện pháp .” Lý do: Hiện nay cơ quan thuế đã tiếp nhận nhiều phản ánh của cá nhân về việc bị sử dụng thông tin để thành lập tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và bị tạm hoãn xuất cảnh. Do đó Dự thảo Nghị quyết cần bổ sung quy định hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đối với các trường hợp cá nhân bị sử dụng trái phép thông tin nếu cá nhân đã có đơn phản ánh đến cơ quan công an và đã được cơ quan công an tiếp nhận. - Đề nghị bổ sung trách nhiệm Bộ Công an chỉ đạo công an các cấp tiếp nhận, xử lý phản	Theo đó, khi nhận được văn bản của cơ quan công an xác nhận đã tiếp nhận và đang giải quyết vụ việc, cơ quan quản lý thuế tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân thuộc phạm vi quy định; trường hợp đã áp dụng thì thực hiện hủy bỏ theo quy định, không phải chờ kết quả giải quyết cuối cùng. Phạm vi áp dụng bao gồm các trường hợp tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, không chỉ giới hạn ở trường hợp người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Cụ thể, nội dung tại khoản 6 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến được tách và hoàn thiện tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết như sau: *“1. Cơ quan quản lý thuế tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP đối với cá nhân đã có phản ánh, tố giác, tin báo tội phạm với cơ quan công an về việc bị giả mạo hoặc sử dụng trái phép thông tin cá nhân để đăng ký thuế, đăng ký thành lập hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, dẫn đến bị xác định là cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi nhận được văn bản của cơ quan công an xác nhận đã tiếp nhận và đang giải quyết. Trường hợp đã áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh thì cơ quan quản lý thuế thực hiện hủy bỏ theo quy định.”* ii) Về trách nhiệm phối hợp của cơ quan công an Tiếp thu ý kiến, dự thảo quy định trực tiếp trách nhiệm của cơ quan công an trong việc thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế có liên quan tại thời điểm tiếp nhận, đang giải quyết vụ việc và khi có kết quả giải quyết. Quy định này tạo căn cứ để cơ quan quản lý thuế kịp thời áp

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ánh về giả mạo thông tin đăng ký kinh doanh và phối hợp cung cấp thông tin định danh cho cơ quan thuế.	dụng chính sách bảo vệ cá nhân, đồng thời bảo đảm phối hợp xử lý thông tin đăng ký và nghĩa vụ thuế sau khi có kết quả xác minh. Cụ thể, khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết (được tách từ khoản 6 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến) quy định: *"2. Cơ quan công an có trách nhiệm gửi văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế có liên quan, gồm:* *a) Thông báo đã tiếp nhận và đang giải quyết vụ việc khi nhận được phản ánh, tố giác, tin báo tội phạm của cá nhân;* *b) Thông báo kết quả giải quyết phản ánh, tố giác, tin báo tội phạm của cá nhân sau khi có kết quả giải quyết.* *3. Khi nhận được văn bản của cơ quan công an theo điểm b khoản 2 Điều này thì cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế có liên quan xử lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về quản lý thuế."*
Khoản 6 Điều 4	Cục DNTN - BTC	Tại khoản 6 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung trách nhiệm phối hợp của Bộ Công an và cơ quan công an có thẩm quyền trong việc xác minh, xử lý giả mạo thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Văn bản thông báo về vụ việc, tình trạng và kết quả giải quyết cần được gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế và cá nhân có liên quan để xử lý, cập nhật thông tin theo thẩm quyền. Đồng thời, đề nghị làm rõ thời điểm bắt đầu, chấm dứt việc tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh và cách xử lý khi có kết quả	i) Về trách nhiệm phối hợp của cơ quan công an Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến, quy định trực tiếp trách nhiệm thông báo của cơ quan công an tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở tách và hoàn thiện nội dung tại khoản 6 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến, như sau: "2. Cơ quan công an có trách nhiệm gửi văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế có liên quan, gồm: a) Thông báo đã tiếp nhận và đang giải quyết vụ việc khi nhận được phản ánh, tố giác, tin báo tội phạm của cá nhân;

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xác định có hoặc không có việc giả mạo; quy định trách nhiệm thông báo, hủy bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đã áp dụng khi có đủ căn cứ. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị thu hồi do giả mạo, cần xác định rõ việc xử lý nghĩa vụ thuế còn lại, trạng thái mã số thuế và trách nhiệm của các cá nhân có liên quan, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân bị giả mạo thông tin.	b) Thông báo kết quả giải quyết phản ánh, tố giác, tin báo tội phạm của cá nhân sau khi có kết quả giải quyết." Quy định này bảo đảm cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế có thông tin chính thức để kịp thời áp dụng chính sách, xử lý và cập nhật thông tin theo thẩm quyền. Việc phân công, chỉ đạo trong ngành công an và thông báo cho cá nhân có liên quan thực hiện theo pháp luật hiện hành, không quy định thêm trình tự riêng tại Nghị quyết. ii) Về thời điểm áp dụng và xử lý khi có kết quả xác minh Khoản 1 Điều 5 quy định căn cứ bắt đầu áp dụng chính sách là khi cơ quan quản lý thuế nhận được văn bản của cơ quan công an xác nhận đã tiếp nhận và đang giải quyết vụ việc. Theo đó, cơ quan quản lý thuế tạm thời chưa áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh; trường hợp đã áp dụng thì thực hiện hủy bỏ theo quy định, không phải chờ kết quả giải quyết cuối cùng. Khi nhận được thông báo kết quả giải quyết, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế xử lý theo khoản 3 Điều 5. Trường hợp xác định có việc giả mạo hoặc sử dụng trái phép thông tin, các cơ quan căn cứ kết quả xác minh để xử lý thông tin đăng ký, xác định đúng chủ thể có nghĩa vụ thuế và trách nhiệm liên quan. Trường hợp xác định không có việc giả mạo hoặc sử dụng trái phép thông tin, việc xem xét áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh thực hiện theo điều kiện, thẩm quyền và trình tự của pháp luật về quản lý thuế, không mặc nhiên áp dụng chỉ vì có kết quả xác minh này. Khoản 4 Điều 6 dự thảo đồng thời quy định nếu đến hết ngày 30/6/2028 cơ quan quản lý thuế chưa nhận được thông

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			báo kết quả giải quyết thì cá nhân tiếp tục được áp dụng chính sách tại khoản 1 Điều 5 cho đến khi cơ quan quản lý thuế nhận được thông báo bằng văn bản. iii) Về thời hạn giải quyết vụ việc và xử lý nghĩa vụ thuế còn lại Trình tự, thẩm quyền và thời hạn tiếp nhận, xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm được thực hiện theo pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan. Vì vậy, đề nghị không quy định thời hạn giải quyết riêng tại Nghị quyết. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị thu hồi do giả mạo, việc xử lý nghĩa vụ thuế còn lại, trạng thái mã số thuế và trách nhiệm của các cá nhân có liên quan phải căn cứ kết quả xác minh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền và pháp luật về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, quản lý thuế. Việc thu hồi giấy chứng nhận không đồng nghĩa với việc toàn bộ nghĩa vụ thuế phát sinh được xóa bỏ hoặc mặc nhiên chuyển sang cá nhân bị giả mạo thông tin. Do đó, đề nghị giữ cơ chế phối hợp và xử lý tại Điều 5, khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết hiện nay đang hoàn thiện; các nội dung về xác định nghĩa vụ, xử lý thông tin đăng ký và trách nhiệm liên quan tiếp tục thực hiện theo pháp luật hiện hành, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân bị giả mạo thông tin.
Khoản 6 Điều 4	Thuế tỉnh Ninh Bình	Tại Khoản 6 Điều 4: đề nghị quy định theo hướng NNT gửi phản ánh đến 01 cơ quan làm đầu mối (cơ quan Đăng ký kinh doanh). Cơ quan này phối hợp với các cơ quan liên quan để xử lý.	Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau: Nội dung tại khoản 6 Điều 4 dự thảo lấy ý kiến đã được tách và hoàn thiện tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết. Theo đó, cá nhân phản ánh, tố giác, tin báo tội phạm về việc bị giả mạo

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Không để NNT phải gửi thông tin đến nhiều nơi mà không biết ai xử lý công việc cho mình.	hoặc sử dụng trái phép thông tin cá nhân đến cơ quan công an. Cơ quan công an có trách nhiệm gửi văn bản thông báo việc đã tiếp nhận, đang giải quyết và kết quả giải quyết cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý thuế có liên quan. Dự thảo không yêu cầu cá nhân phải đồng thời gửi phản ánh, hồ sơ đến cả ba cơ quan. Việc lựa chọn cơ quan công an tiếp nhận nhằm gắn việc xử lý phản ánh với xác minh hành vi giả mạo, sử dụng trái phép thông tin; đồng thời bao quát cả trường hợp đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, không qua cơ quan đăng ký kinh doanh. Trên cơ sở văn bản của cơ quan công an xác nhận đã tiếp nhận và đang giải quyết, cơ quan quản lý thuế tạm thời chưa áp dụng hoặc thực hiện hủy bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh theo khoản 1 Điều 5, không phải chờ kết quả giải quyết cuối cùng. Khi có kết quả, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế xử lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 5. Như vậy, dự thảo Nghị quyết đã quy định cơ chế chuyển thông tin trực tiếp giữa các cơ quan, giảm việc cá nhân phải liên hệ nhiều nơi và xác định rõ trách nhiệm xử lý từng nội dung. Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết, không quy định cơ quan đăng ký kinh doanh là đầu mối tiếp nhận chung theo kiến nghị.
Khoản 7 Điều 4	Cục DNTN - BTC	Tại khoản 7 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị làm rõ cơ chế phối hợp khi phát hiện nghĩa vụ thuế sau khi đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nhất là trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đã giải thể hoặc chủ thể đã hoàn tất thủ tục chấm	Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo như sau: Điều 17 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã quy định về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động. Việc cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận tình trạng pháp lý "Đã giải thể" hoặc "Đã chấm dứt hoạt động"

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dứt hoạt động; bảo đảm việc xác định nghĩa vụ, người có trách nhiệm thực hiện và xử lý trạng thái mã số thuế phù hợp với tình trạng pháp lý của từng chủ thể.	không thay thế việc xác định, xử lý nghĩa vụ thuế còn tồn đọng. Đối với trường hợp dữ liệu đăng ký kinh doanh đã ghi nhận các tình trạng nêu trên nhưng dữ liệu quản lý thuế vẫn thể hiện người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế, cơ quan thuế tiếp tục rà soát, đối chiếu, xác định và xử lý nghĩa vụ thuế, cập nhật trạng thái mã số thuế theo quy định. Việc đối soát, đồng bộ dữ liệu giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh được thực hiện theo cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin hiện hành.
Điều 4	Thuế tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị nghiên cứu bổ sung vào Điều 4 dự thảo Nghị quyết của Chính phủ nội dung cụ thể như sau: *"Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 đã nộp một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ tiền thuế gốc, tiền phạt vi phạm hành chính hoặc lệ phí môn bài trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc khôi phục mã số thuế, Cơ quan thuế tiếp tục giải quyết thủ tục chấm dứt hiệu lực hoặc khôi phục mã số thuế theo chính sách đặc thù của Nghị quyết này đối với phần nghĩa vụ còn lại."* Lý do: Để chính sách kín kẽ, công bằng và khả thi khi triển khai trong thực tiễn.	Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau: Việc người nộp thuế đã nộp một phần hoặc toàn bộ tiền thuế gốc, tiền phạt vi phạm hành chính hoặc lệ phí môn bài trước ngày Nghị quyết có hiệu lực không phải là căn cứ loại trừ việc áp dụng chính sách đặc thù. Người nộp thuế thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 được xem xét áp dụng từng chính sách tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 khi đáp ứng đầy đủ điều kiện tương ứng và quy định chuyển tiếp tại Điều 6 dự thảo Nghị quyết hiện nay. Đối với hồ sơ đề nghị khôi phục hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã nộp trước ngày 21/11/2026 đang được giải quyết, khoản 1 Điều 6 đã quy định việc áp dụng chính sách về hồ sơ tại Điều 2, trừ trường hợp quy định tại khoản này. Đối với hồ sơ khai thuế, thông báo, báo cáo về hóa đơn đã nộp trước ngày này nhưng chưa ban hành quyết định xử phạt, khoản 2 Điều 6 cho phép áp dụng mức phạt tại Điều 3. Riêng cơ chế cơ quan thuế chủ động chấm dứt hiệu lực mã số thuế

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			tại Điều 4 chỉ áp dụng khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, trong đó có điều kiện không còn tiền thuế nợ tại thời điểm chấm dứt. Các nghĩa vụ còn lại được xử lý theo đúng phạm vi, điều kiện của từng chính sách và pháp luật có liên quan; không được hiểu là toàn bộ nghĩa vụ chưa hoàn thành đều được miễn, giảm hoặc xóa. Việc xử lý lệ phí môn bài, tiền chậm nộp thuộc phạm vi Nghị quyết của Quốc hội được thực hiện theo Nghị quyết đó. Các khoản đã nộp đúng nghĩa vụ không tự trở thành khoản nộp thừa để hoàn trả, bù trừ do chính sách đặc thù được ban hành sau. Do đó, dự thảo đã có quy định để tiếp tục giải quyết các trường hợp nêu tại kiến nghị; đề nghị không bổ sung quy định riêng tại Điều 4.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Đề nghị bổ sung điều khoản quy định về cơ chế xử lý tiền thuế nộp thừa	Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI)	Bổ sung cơ chế xử lý "Tiền thuế nộp thừa" để giải tỏa điểm nghẽn đóng mã số thuế Thực trạng vướng mắc: Nhiều doanh nghiệp khi làm thủ tục quyết toán giải thể chỉ còn nộp thừa một số tiền rất nhỏ (từ vài ngàn đồng, vài chục ngàn đồng đến vài triệu đồng tiền thuế môn bài, thuế GTGT tạm nộp hoặc tiền chậm nộp). Do quy định của Luật Quản lý thuế yêu cầu phải xử lý triệt để toàn bộ số dư tài khoản thuế (cả nợ và thừa) mới được hoàn tất đóng mã số thuế, trong khi quy trình hoàn trả tiền thuế nộp thừa của cơ quan thuế đòi hỏi thủ tục kiểm tra, đối chiếu hồ sơ vô cùng phức tạp, kéo dài hàng năm trời. Nhiều doanh nghiệp xin nộp văn bản từ bỏ số tiền nộp thừa để được đóng mã số thuế nhanh chóng nhưng cơ quan thuế không có cơ sở pháp lý để chấp thuận. VCCI kiến nghị: bổ sung một điều khoản tại Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ: "Trường hợp người nộp thuế thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mà có số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp đã nộp thừa vào ngân sách nhà nước có giá trị từ 10 triệu đồng trở xuống, nếu người nộp thuế có văn bản cam kết tự nguyện từ bỏ quyền nhận lại khoản tiền nộp thừa đó thì cơ quan thuế thực hiện ghi thu khoản nộp thừa vào ngân sách nhà nước, thực hiện tất toán tài khoản và ban hành thông báo chấm dứt	Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau: Điểm a khoản 4 Điều 15 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã quy định không hoàn trả số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa trong trường hợp người nộp thuế từ chối nhận lại. Khoản 1 Điều 43 Thông tư số 89/2026/TT-BTC đã hướng dẫn cụ thể thủ tục thực hiện. Theo đó, người nộp thuế gửi văn bản từ chối nhận lại số tiền nộp thừa theo mẫu số 01/ĐNKHT; cơ quan thuế gửi thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo tiếp nhận văn bản. Việc tất toán khoản nộp thừa tại sổ kế toán và trên Hệ thống thông tin quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại Điều này. Như vậy, pháp luật về quản lý thuế đã có cơ sở và thủ tục xử lý trường hợp người nộp thuế tự nguyện từ chối nhận lại khoản nộp thừa, bao gồm trường hợp đang thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, không giới hạn khoản nộp thừa từ 10 triệu đồng trở xuống. Người nộp thuế lựa chọn thực hiện thủ tục này không phải đề nghị hoàn trả khoản tiền đã từ chối nhận lại; việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế được tiếp tục giải quyết khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan. Do đó, đề nghị thực hiện theo quy định nêu trên, không bổ sung cơ chế riêng tại dự thảo Nghị quyết.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiệu lực mã số thuế mà không phải thực hiện quy trình hoàn trả tiền nộp thừa."	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khác			
Chính sách đặc thù đối với trường hợp doanh nghiệp có người đại diện là người nước ngoài	Thuế tỉnh Phú Thọ	Bổ sung khoản 6 vào Điều 2 Dự thảo nhằm quy định riêng trường hợp doanh nghiệp có người đại diện là người nước ngoài như sau: *"6. Trường hợp người nộp thuế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 có người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận là đã xuất cảnh và chưa có thông tin nhập cảnh, đồng thời tại cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế người nộp thuế không đăng ký phát hành hóa đơn, thì người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế."*	Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau: Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định việc không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với kỳ tính thuế không phát sinh nghĩa vụ thuế trong khoảng thời gian được xác định tại từng khoản. Chính sách được áp dụng thống nhất đối với người nộp thuế thuộc đối tượng của Nghị quyết, không phân biệt quốc tịch hoặc tình trạng xuất, nhập cảnh của người đại diện theo pháp luật. Việc người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh chỉ phản ánh tình trạng xuất, nhập cảnh của cá nhân, không đồng nghĩa doanh nghiệp đã ngừng hoạt động hoặc không phát sinh nghĩa vụ thuế. Tương tự, việc cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế không ghi nhận đăng ký phát hành hóa đơn chưa đủ căn cứ xác định doanh nghiệp không có hoạt động, giao dịch hoặc nghĩa vụ thuế. Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 2 thì được áp dụng chính sách không phải nộp hồ sơ khai thuế và thực hiện cam kết theo khoản 5 Điều này. Các trường hợp còn lại tiếp tục thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại Điều 2, không bổ sung trường hợp riêng theo kiến nghị.
Miễn trừ nghĩa vụ đối với trường hợp người đại diện theo	Thuế tỉnh Quảng Ngãi	Bổ sung quy định về việc miễn trừ nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế và không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm hoặc không	Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau:

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
pháp luật đã tử vong, bị Tòa án tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự		nộp hồ sơ khai thuế đối với tổ chức, hộ kinh doanh có mã số thuế đang ở trạng thái ngừng hoạt động (trạng thái 03) hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06) mà người đại diện theo pháp luật đã tử vong, bị Tòa án tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.	Việc người đại diện theo pháp luật chết, bị Tòa án tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự không đương nhiên làm chấm dứt nghĩa vụ khai thuế của tổ chức, hộ kinh doanh. Việc xác định người đại diện thay thế, người có quyền và trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan được thực hiện theo pháp luật về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp đã quy định cơ chế cử, thay thế người đại diện theo pháp luật trong các trường hợp này. Đồng thời, tình trạng của người đại diện không đủ căn cứ để xác định tổ chức, hộ kinh doanh không hoạt động hoặc không phát sinh nghĩa vụ thuế trong các kỳ còn thiếu hồ sơ. Vì vậy, chưa có cơ sở quy định miễn toàn bộ nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế và không xử phạt đối với mọi hành vi chậm hoặc không nộp hồ sơ chỉ dựa trên tình trạng của người đại diện. Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng áp dụng và đáp ứng điều kiện tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết thì không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với các kỳ không phát sinh nghĩa vụ thuế trong khoảng thời gian tương ứng. Đối với hồ sơ còn phải nộp, việc áp dụng chính sách về xử phạt được thực hiện theo Điều 3 dự thảo Nghị quyết khi đáp ứng điều kiện; các trường hợp không xử phạt khác được xem xét theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị quyết, không bổ sung cơ chế miễn nghĩa vụ khai thuế và không xử phạt riêng theo kiến nghị.